

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HS- ST
Ngày: 29 - 11- 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Quang

2. Ông Nguyễn Việt Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2021/TLST- HS ngày 18 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Ch- sinh ngày 24 tháng 01 năm 1985 tại huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu hành chính TS, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp khi phạm tội: Công chức địa chính xã (đã bị buộc thôi việc ngày 16/9/2020); trình độ văn hóa: Lớp12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H4 (đã chết) và bà Tô Thị Bình Ng sinh năm 1960; có vợ là Thẩm Thu M sinh năm 1985 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ ngày 04/9/2020.

Nhân thân: Tại Bản án số 36/2020/HS- ST ngày 31/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Nguyễn Đức Ch đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Y, Bộ Công an. Để phục vụ cho việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Đức Ch được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ từ ngày 17/5/2021, gia hạn đến 18/01/2022. Có mặt.

* Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1992

Trú tại: Khu 14, xã CT, huyện TN, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Huy T- sinh năm 1968

Trú tại: Khu 8, xã MP, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị C- sinh năm 1973

Trú tại: Khu 5, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4. Ông Đào Văn H- sinh năm 1973

Trú tại: Khu 1, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Tại phiên tòa có mặt bà Trần Thị H1- sinh năm 1977 (Là vợ ông H)

Trú tại: Khu 1, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ.

5. Bà Phạm Thị Tr- sinh năm 1950

Trú tại: Khu 4, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

6. Ông Nguyễn Khắc Th- sinh năm 1971

Trú tại: Khu 5, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

7. Anh Nguyễn Quang H8- sinh năm 1986

Trú tại: Khu 7, xã MP, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

8. Ông Đào Văn Kh- sinh năm 1962

Trú tại: Khu 1, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Tại phiên tòa có mặt bà Vũ Thị T12 sinh năm 1967 (Là vợ ông Kh)

Trú tại: Khu 1, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ.

9. Ông Hoàng Quang Đ- sinh năm 1971

Trú tại: Khu 1, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

10. Bà Lê Thị Nh- sinh năm 1957

Trú tại: Khu 2, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

11. Ông Nguyễn Xuân H3- sinh năm 1960

Trú tại: Khu 1, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hải Ch1- Chủ tịch. Vắng mặt.

2. Phòng Tài nguyên- Môi trường huyện ĐH

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hùng L1- Trưởng phòng. Vắng mặt.

3. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện ĐH

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Mạnh T2- Giám đốc

Ủy quyền cho: Bà Nguyễn Quỳnh Th2- Phó giám đốc. Có mặt.

4. Bà Tô Thị Bình Ng- sinh năm 1960

Trú tại: Khu 4, xã ML, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian là Công chức Địa chính Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ, từ năm 2017 đến năm 2019, Nguyễn Đức Ch đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn để thu tiền trái phép của 11 người dân có nhu cầu giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai tại xã CM, chiếm đoạt của họ tổng số tiền là 316.930.546 đồng. Cụ thể như sau:

1. Tháng 10/2019, bà Nguyễn Thị Th1 sinh năm 1962, ở khu 1, xã CM tặng cho vợ chồng con gái là chị Nguyễn Thị L sinh năm 1992 và anh Nguyễn Thanh H5 sinh năm 1990 ở khu 14, xã CT, huyện TN, tỉnh Phú Thọ quyền sử dụng thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, diện tích 389m², loại đất trồng cây lâu năm tại khu 1, xã CM. Bà Th1 nộp hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng một phần thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở và cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho vợ chồng chị L tại UBND xã CM. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã CM tiếp nhận, chuyển hồ sơ này cho Nguyễn Đức Ch để giải quyết. Sau khi nhận hồ sơ, Nguyễn Đức Ch đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là VPĐKQSDĐ) huyện ĐH cử cán bộ phối hợp với Ch tiến hành đo đạc, trích lục thửa đất. Sau khi đo đạc xong, Ch thông báo cho chị L tổng chi phí thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng một phần thửa đất và cấp mới GCNQSDĐ là 50.000.000đ, gồm tiền thuế, công đo đạc. Ch hứa hẹn sẽ giải quyết xong trước ngày 31/12/2019. Tại nhà ở của bà Th1, chị L đã nộp 50.000.000đ cho Ch. Ch viết giấy biên nhận tiền, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Tr1 sinh năm 1966, bà Đỗ Thị H6 sinh năm 1973 đều ở khu 1, xã CM và anh Nguyễn Thanh H5 (chồng chị L).

Nguyễn Đức Ch lập hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng thửa đất trên từ bà Nguyễn Thị Th1 sang vợ chồng chị Nguyễn Thị L. Đầu tháng 12/2019, Ch cùng chị L nộp hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, cấp mới GCNQSDĐ thửa đất trên tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện ĐH. Ngày 06/3/2020, UBND huyện ĐH cấp GCNQSDĐ số CT 932567 cho vợ chồng chị L thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, diện tích là 389m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại khu 1, xã CM. Nghĩa vụ tài chính mà chị L phải nộp gồm: Lệ phí thẩm định hồ sơ, tiền công đo đạc, tổng cộng là 2.011.500 đồng; chị L đã trực tiếp nộp tại VPĐKQSDĐ huyện ĐH (có chứng từ thu tiền).

Nguyễn Đức Ch không giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc chuyển đổi mục đích sử dụng một phần diện tích thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở, chiếm đoạt của chị L 50.000.000đ. Số tiền này Nguyễn Đức Ch đã sử dụng cá nhân hết.

Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 50.000.000đ.

2. Khoảng tháng 6/2018, ông Nguyễn Văn T3 sinh năm 1971 ở khu 1, xã CM chuyển nhượng cho ông Nguyễn Huy T sinh năm 1968 ở khu 8, xã MP, huyện ĐH 765m² đất thuộc thửa số 204, tờ bản đồ số 15, loại đất trồng cây lâu năm ở khu 1, xã CM, với giá 19.000.000đ. Hai bên thỏa thuận: Ông T sẽ nộp thay ông T3 khoản thuế thu nhập phát sinh từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Ông T nộp hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng một phần thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở và cấp mới GCNQSDĐ tại UBND xã CM. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã CM tiếp nhận, chuyển hồ sơ này cho Nguyễn Đức Ch để giải quyết. Sau khi nhận hồ sơ, Ch đề nghị VPĐKQSDĐ huyện ĐH cử cán bộ phối hợp với Ch tiến hành đo đạc, trích lục thửa đất. Sau khi đo đạc xong, Ch thông báo cho ông T tổng chi phí thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, cấp mới GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng một phần diện tích thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở là 50.000.000đ, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc và hứa hẹn sẽ giải quyết theo đề nghị của ông T. Ông T đồng ý và nộp trước cho Ch 35.000.000đ. Ông T và Ch thỏa thuận sau khi có GCNQSDĐ, được chuyển đổi mục đích sử dụng một phần diện tích đất, ông T sẽ nộp nốt 15.000.000đ.

Nguyễn Đức Ch lập hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng thửa đất, cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Huy T, nộp hồ sơ cho VPĐKQSDĐ vào đầu tháng 12/2018. Ngày 09/4/2019, UBND huyện ĐH cấp GCNQSDĐ số CP 026197 đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 15, diện tích 765m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại khu 1, xã CM cho ông T.

Nguyễn Đức Ch đã nộp thay ông Nguyễn Huy T 2.924.000đ nghĩa vụ tài chính đối với hồ sơ này, bao gồm: Lệ phí thẩm định hồ sơ, tiền công đo đạc là 2.448.568đ, lệ phí trước bạ 95.000đ, thuế thu nhập là 380.000đ (Có chứng từ thu tiền), nhưng không giải quyết yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng một phần diện tích đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Ch đã chiếm đoạt 32.076.000đ của ông T, sử dụng cá nhân hết.

Ông Nguyễn Huy T yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 32.076.000đ.

3. Khoảng tháng 5/2019, bà Nguyễn Thị C sinh năm 1973 được bố đẻ là ông Nguyễn Duy Đ1 sinh năm 1937 tặng cho quyền sử dụng 1130m² đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng cây lâu năm ở khu 5, xã CM. UBND xã CM đã tiếp nhận hồ sơ của bà C đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ, chuyển đổi mục đích sử dụng một phần thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở sau đó, chuyển hồ sơ này cho Nguyễn Đức Ch giải quyết. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ch đã phối hợp cùng cán bộ VPĐKQSDĐ

huyện ĐH tiến hành đo đạc, trích lục thửa đất trên. Tại buổi đo đạc, bà C tự nguyện cho Ch 2.500.000đ.

Sau đó, Ch thông báo cho bà C tổng chi phí để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng một phần thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở là 16.000.000đ, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc. Bà C đã nộp đủ 16.000.000đ cho Ch. Khoảng tháng 12/2019, Ch nộp hồ sơ của bà C đến VPĐKQSDĐ huyện ĐH. Ngày 21/01/2020, UBND huyện ĐH cấp cho bà Nguyễn Thị C GCNQSDĐ số CT 932241 đối với 1.130m² đất thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng cây lâu năm tại khu 5, xã CM. Bà C đã trực tiếp nộp lệ phí thẩm định hồ sơ, tiền công đo đạc là 3.354.769đ tại VPĐKQSDĐ huyện ĐH (có chứng từ thu tiền).

Nguyễn Đức Ch không giải quyết yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng một phần diện tích thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Ch chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị C 16.000.000đ, đã chi tiêu hết.

Bà Nguyễn Thị C yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 16.000.000đ.

4. Khoảng năm 2017, ông Đào Văn H sinh năm 1973 ở khu 1, xã CM nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị H7 sinh năm 1956 thửa đất số 07, diện tích 280m² và nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T4 sinh năm 1957 thửa đất số 08, diện tích 1045m². Hai thửa đất trên đều là đất trồng lúa, thuộc tờ bản đồ số 20, có địa chỉ tại khu 1, xã CM.

UBND xã CM đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm đối với 02 thửa đất trên, sau đó chuyển cho Nguyễn Đức Ch giải quyết. Sau khi nhận hồ sơ, Ch đã cùng với cán bộ VPĐKQSDĐ huyện ĐH đo đạc, trích lục thửa đất. Nguyễn Đức Ch thông báo cho ông Đào Văn H tổng chi phí thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, cấp mới GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm đối với 02 thửa đất trên là 70.000.000đ, bao gồm tiền thuế, công đo đạc và hứa hẹn sẽ giải quyết theo đề nghị của ông H. Ông H đã nộp cho Ch 70.000.000đ.

Nguyễn Đức Ch lập hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất từ bà Trần Thị H7 và từ ông Nguyễn Văn T4 sang ông Đào Văn H, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện ĐH vào tháng 11/2017. Ngày 05/12/2017, UBND huyện ĐH cấp GCNQSDĐ số CK 90935, đối với thửa đất số 07 và GCNQSDĐ số CK 90934 đối với thửa đất số 08, đều là đất trồng lúa, địa chỉ tại khu 1, xã CM cho ông Đào Văn H.

Nguyễn Đức Ch đã nộp thay ông Đào Văn H lệ phí thẩm định, tiền công đo đạc đất đối với 02 hồ sơ trên là 4.145.454đ tại VPĐKQSDĐ huyện ĐH, sau đó giao 02 GCNQSDĐ trên cho ông H. Số tiền còn lại là 65.854.546đ Ch đã chiếm đoạt của ông H và chi tiêu cá nhân hết.

Do Nguyễn Đức Ch không thực hiện yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 02 thửa đất trên từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm như cam kết nên ông Đào Văn H yêu cầu Ch phải trả lại 50.000.000đ; còn 20.000.000đ ông

H cho Ch, không yêu cầu phải trả. Ch viết giấy nhận nợ, hẹn đến ngày 31/12/2019 sẽ trả đủ số tiền này cho ông H, nhưng đến nay chưa trả.

Ông Đào Văn H yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 50.000.000đ.

5. Năm 2018, bà Phạm Thị Tr sinh năm 1950 ở khu 4, xã CM nộp hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 580m² thửa đất số 76, tờ bản đồ số 2, thuộc khu 4, xã CM do nhận thừa kế từ chồng là ông Hoàng Văn Th3 đã chết năm 2016. UBND xã CM nhận hồ sơ trên của bà Tr rồi chuyển cho Nguyễn Đức Ch giải quyết. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ch đã phối hợp với cán bộ VPĐKQSDĐ huyện ĐH tiến hành đo đạc, trích lục thửa đất. Trong quá trình làm việc, Ch đã thu của bà Tr 01 GCNQSDĐ số 00398 mang tên ông Hoàng Văn Th3 (Giấy này bị rách nát nên không rõ ngày cấp), gồm thửa đất số 76, tờ bản đồ số 2, diện tích 580m², loại đất ở nông thôn và 03 thửa đất vườn, đất trồng lúa đều có địa chỉ tại khu 4, xã CM. Ch hứa hẹn sẽ giải quyết theo yêu cầu của bà Tr và thông báo cho bà Tr tổng chi phí thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, cấp mới GCNQSDĐ là 15.000.000đ, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc. Bà Tr và Ch thỏa thuận: Bà Tr nộp trước cho Ch 12.000.000đ, khi nào nhận GCNQSDĐ, sẽ nộp 3.000.000đ còn lại. Khoảng đầu năm 2019, Ch chuyển hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ của bà Tr đến VPĐKQSDĐ huyện ĐH, tuy nhiên do hồ sơ thiếu biên bản họp gia đình nên không giải quyết được. Tháng 6/2020, VPĐKQSDĐ huyện ĐH đã trả lại hồ sơ cho bà Tr. Số tiền chiếm đoạt của bà Tr, Ch đã chi tiêu cá nhân hết.

Bà Phạm Thị Tr yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 12.000.000đ.

6. Tháng 3/2019, ông Nguyễn Khắc Th sinh năm 1971, ở khu 5, xã CM, được mẹ đẻ là bà Hoàng Thị T5 sinh năm 1940 ủy quyền làm thủ tục đề nghị chuyển quyền sử dụng 300m² đất ở từ thửa đất số 55, tờ bản đồ số 2 có tổng diện tích 3.090m² của bà cho 03 người con, trong đó có ông Th. UBND xã CM đã nhận hồ sơ, sau đó chuyển cho Nguyễn Đức Ch giải quyết. Ch đã cùng cán bộ VPĐKQSDĐ huyện ĐH tiến hành đo đạc, thẩm định thửa đất. Ch thông báo cho ông Th tổng chi phí thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất và cấp mới GCNQSDĐ là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc và hứa sẽ giải quyết theo đề nghị của ông Th. Tại nhà bà T5, ông Th đưa đủ cho Ch 6.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, Ch không lập hồ sơ đề nghị tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất, cấp mới GCNQSDĐ và không trả lại hồ sơ đề nghị mà ông Th đã nộp. Ch đã chiếm đoạt của ông Th 6.000.000đ, chi tiêu cá nhân hết.

Ông Nguyễn Khắc Th yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 6.000.000đ.

7. Năm 2017 ông Nguyễn Văn N sinh năm 1959 ở khu 7, xã MP, huyện ĐH nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Ch2 ở xã CM 01 thửa đất, loại đất rừng, tại xứ GT thuộc thôn 10, xã CM (nay là khu 7, xã CM). Năm 2018, ông N cho con trai là anh Nguyễn Quang H8 sinh năm 1986 ở khu 7, xã MP thửa đất này. Ông N và anh H8 đến UBND xã CM nộp hồ sơ đề nghị chuyển

quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ thửa đất trên cho anh H8. Sau khi nhận hồ sơ, Nguyễn Đức Ch đã cùng cán bộ VPĐKQSDĐ huyện ĐH tiến hành đo đạc, trích lục thửa đất. Ch đã thông báo cho anh H8 tổng chi phí thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên là 20.000.000đ, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc và hứa sẽ giải quyết theo đề nghị của anh H8. Tại nhà ông N, anh H8 đã đưa cho Ch 20.000.000đ và các giấy tờ (bản gốc) gồm: 01 Giấy mua bán đất giữa ông Nguyễn Văn Ch2 với Hợp tác xã CM, 01 Giấy mua bán đất giữa ông Nguyễn Văn Ch2 với ông Nguyễn Văn N.

Nguyễn Đức Ch không hoàn thiện hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên, không trả lại hồ sơ cho anh Nguyễn Quang H8, làm thất lạc các giấy tờ, tài liệu mà anh H8 đã nộp. Số tiền chiếm đoạt của anh H8 là 20.000.000đ, Ch đã chi tiêu cá nhân hết.

Anh Nguyễn Quang H8 yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 20.000.000đ.

8. Khoảng năm 2016, ông Đào Văn Kh sinh năm 1962, ở khu 1, xã CM nộp hồ sơ đề nghị UBND xã CM chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ 21, diện tích đất là 952m² tại khu 1, xã CM từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm. Ông Kh không nhớ đã nộp hồ sơ cho ai, vào thời gian nào. Năm 2018, Nguyễn Đức Ch đến nhà ông Kh kiểm tra, thẩm định và thu GCNQSDĐ số 445465 cấp ngày 17/3/2000 của thửa đất trên để làm thủ tục theo đề nghị của ông Kh. Ch thông báo cho ông Kh tổng chi phí là 30.000.000đ, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc và hứa hẹn sẽ giải quyết theo đề nghị của ông Kh. Ông Kh đã đưa đủ cho Ch 30.000.000đ; việc giao nhận tiền có ông Vi Văn D sinh năm 1964 ở khu 1, xã CM chứng kiến. Sau khi nhận tiền, Ch không lập hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông Kh.

Nguyễn Đức Ch đã trả lại cho ông Đào Văn Kh GCNQSDĐ đất số 445465 cấp ngày 17/3/2000. Số tiền chiếm đoạt của ông Kh là 30.000.000đ, Ch đã chi tiêu cá nhân hết.

Ông Đào Văn Kh yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 30.000.000đ.

9. Năm 2017, ông Hoàng Quang Đ sinh năm 1971, ở khu 1, xã CM nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ 15, diện tích 100m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ khu 1, xã CM từ bà Ma Thị Ch3 sinh năm 1963 ở xã BĐ, huyện G, TP. Hà Nội. UBND xã CM đã nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ nhận và chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở của ông Đ, sau đó chuyển cho Nguyễn Đức Ch giải quyết. Quá trình điều tra Ch khai nhận: Sau khi nhận hồ sơ, Ch thông báo cho ông Đ tổng chi phí thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc là 5.000.000đ; ông Đ đã nộp cho Ch 5.000.000đ. Sau khi nhận tiền, Ch không lập hồ sơ cho ông Đ và chiếm đoạt số tiền này.

Ông Hoàng Quang Đ khai đã đưa cho Nguyễn Đức Ch 30.000.000đ. Việc giao nhận tiền giữa ông Đ và Ch không có người chứng kiến, không có giấy tờ giao nhận. Do Ch chỉ thừa nhận đã nhận của ông Đ 5.000.000đ, nên ông Đ yêu cầu Ch trả lại 5.000.000đ.

10. Tháng 12/2018, bà Lê Thị Nh sinh năm 1957, ở khu 2, xã CM cho, tặng quyền sử dụng 240m² đất ở (là một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.199m² tại khu 2, xã CM) cho vợ chồng cháu gái là chị Phạm Thị Y1, anh Nguyễn Văn D1 ở khu 2, xã CM. UBND xã CM đã nhận hồ sơ đề nghị tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất, cấp mới GCNQSDĐ của bà Nh, rồi chuyển hồ sơ cho Nguyễn Đức Ch giải quyết. Sau khi nhận hồ sơ, Ch đã kiểm tra hiện trạng đất, thu của bà Nh 01 GCNQSDĐ số 545920, cấp ngày 09/10/2008 mang tên ông Nguyễn Sỹ H9 (chồng bà Nh). Ch thông báo cho bà Nh tổng chi phí thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất, cấp mới GCNQSDĐ đối với thửa đất trên là 20.000.000đ, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc. Bà Nh đã nộp đủ 20.000.000đ cho Ch.

Nguyễn Đức Ch không lập hồ sơ đề nghị, không nộp thuế, phí để tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ thửa đất trên theo đề nghị của bà Nh, chiếm đoạt của bà Nh 20.000.000đ. Ch khai đã trả lại cho bà Nh 01 GCNQSDĐ số 545920 cấp ngày 09/10/2008 và 10.000.000đ. Còn 10.000.000đ, Ch đã chi tiêu cá nhân hết.

Bà Lê Thị Nh không công nhận việc Ch khai đã trả lại cho bà 10.000.000đ. Tuy nhiên, bà Nh chỉ yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 10.000.000đ.

11. Năm 2019 ông Nguyễn Xuân H3 sinh năm 1960 ở khu 1, xã CM nộp hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ đối với 03 thửa đất gồm:

- Thửa 1: Thửa đất số 76.1, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.616m², loại đất ở và đất vườn, tại khu 1, xã CM, có nguồn gốc do ông H3 được nhận thừa kế từ bố đẻ là ông Nguyễn Xuân K đã chết năm 2016.

- Thửa 2: Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 90m², loại đất ở, tại khu 3, xã CM, có nguồn gốc do ông H3 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quang Đ2.

- Thửa 3: Thửa đất tách ra từ thửa 227, tờ bản đồ số 13, chưa xác định rõ diện tích, loại đất, tại khu 3, xã CM, có nguồn gốc do ông H3 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Duy T6.

Nguyễn Đức Ch đã phối hợp với VPĐKQSDĐ huyện ĐH tiến hành đo đạc, trích lục thửa đất và thu của ông H3 01 GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Xuân K đối với thửa 76.1, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.616m²; 01 giấy mua bán quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Xuân H3 và ông Nguyễn Quang Đ2 đối với thửa 141, tờ bản đồ số 13, diện tích 90m²; 01 Quyết định giao quyền sử dụng thửa đất tách ra từ thửa 227, tờ bản đồ số 13, mang tên ông Nguyễn Duy

T6. Ch thông báo cho ông H3 tổng chi phí là 60.000.000 đồng, bao gồm tiền thuế, tiền công đo đạc. Ông H3 đã nộp đủ 60.000.000 đồng cho Ch.

Nguyễn Đức Ch lập hồ sơ đo đạc thửa 2 không đầy đủ, không Ch2nh xác; không đề nghị chuyển quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ đối với thửa 1; không nộp thuế, phí là nghĩa vụ tài chính để thực hiện yêu cầu của ông Nguyễn Xuân H3, làm thất lạc các tài liệu mà ông H3 đã nộp. Số tiền 60.000.000đ ông H3 nộp, Ch đã sử dụng cá nhân hết.

Ông Nguyễn Xuân H3 yêu cầu Nguyễn Đức Ch trả lại 60.000.000đ.

Kết quả điều tra có căn cứ xác định: Nguyễn Đức Ch đã thu tiền trái quy định của 11 người, tổng số tiền là 324.000.000đ, sau đó nộp nghĩa vụ tài chính thay cho 02 người (tổng cộng là 7.069.454đ), còn chiếm đoạt 316.930.546đ.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn làm rõ, Nguyễn Đức Ch trong khi thực hiện chức trách nhiệm vụ đã nhận hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhiều người, sau đó đã làm thất lạc hồ sơ, trong đó có các GCNQSDĐ như sau:

1. GCNQSDĐ số 586729, cấp ngày 13/7/1999 mang tên ông Phạm Văn T7 sinh năm 1940, do bà Vũ Thị Nh1 sinh năm 1979, ở khu 8, xã V, huyện ĐH nộp.

2. GCNQSDĐ số AN 0704180, thửa đất số 22-1, tờ bản đồ số 3, diện tích 386m², loại đất ở, địa chỉ thửa đất thôn 11, xã CM, mang tên ông Chu Văn H4, sinh năm 1970 ở khu 3, xã CM do bà Lê Thị H10, sinh năm 1970 ở khu 7, xã Q, huyện TB nộp.

3. GCNQSDĐ số 394245, cấp ngày 23/3/2007, thửa số 143-1, tờ bản đồ số 13, diện tích 90m², loại đất ở, mang tên ông Nguyễn Quang Đ2 sinh năm 1954 do bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1960, ở khu 2, xã CM nộp.

4. GCNQSDĐ (không rõ số, ngày cấp), thửa đất số 69, tờ bản đồ số 10, diện tích 3.948m², loại đất ở, đất vườn của ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1935, ở khu 7, xã CM.

5. GCNQSDĐ số 104624, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.428m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất khu 7, xã CM, mang tên ông Nguyễn Đình T8 sinh năm 1970 ở khu 7, xã CM do bà Nguyễn Thị M1 sinh năm 1976 ở khu 7, xã CM nộp.

6. GCNQSDĐ số 00004, cấp ngày 13/3/2000, thửa đất số 92, tờ bản đồ 15, diện tích 362m² và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.332m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất khu 1, xã CM mang tên ông Nguyễn Đình B1 sinh năm 1930 do ông Nguyễn Đình B2 sinh năm 1970, ở khu 1, xã CM nộp.

7. GCNQSDĐ (không rõ số, ngày cấp), thửa đất số 29, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.456m² loại đất ở và đất vườn, địa chỉ thửa đất khu 7, xã CM, mang tên bà Trần Thị T9 sinh năm 1950 ở khu 7, xã CM do ông Quách Văn N sinh năm 1960 ở khu 7, xã CM nộp.

Nguyễn Văn Ch hiện đang chấp hành hình phạt tù, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không tìm được các GCNQSDĐ nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 51/CT- VKSDH ngày 14/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH đã truy tố Nguyễn Đức Ch về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 của Bộ luật hình sự.

* Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Đức Ch và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Ch phạm tội: “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 điều 355 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, Điều 38 BLHS, Điều 56 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Ch từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 36/2020 ngày 31/7/2020, bị cáo phải chấp hành từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án của bản án số 36/2020 ngày 31/7/2020 cụ thể là ngày 23/01/2020.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý lý hành chính về đất đai trong thời hạn từ 1-5 năm, ngoài ra không cần thiết áp dụng hình phạt tiền với bị cáo.

Về dân sự bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại số tiền mà bị hại yêu cầu. Tổng 291.076.000đ. Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho các bị hại tổng cộng là 18.000.000đ.

Đối với những người mà Nguyễn Đức Ch đã làm mất GCNQSD đất và các giấy tờ tài liệu, quá trình điều tra CQĐT đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy. Hiện CQĐT đã ban hành kiến nghị đối với Phòng tài nguyên- Môi trường huyện ĐH và UBND xã CM giải quyết triệt để, toàn diện hậu quả do hành vi vi phạm của Nguyễn Đức Ch. Do đó đối với những yêu cầu trả lại GCNQSD đất và hồ sơ tài liệu của những người bị hại trong vụ án này, quá trình xét xử không xem xét giải quyết nữa.

Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức Ch khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Các bị hại không tranh luận. Bà Nguyễn Thị C đại diện cho các bị hại có mặt tại phiên tòa phát biểu ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nói lời sau cùng, Nguyễn Đức Ch cảm ơn các bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức Ch khai nhận: Trong thời gian làm công chức Địa chính Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ, từ năm 2017 đến năm 2019, bị cáo đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, thu tiền trái quy định của 11 công dân có nhu cầu giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai tại xã CM, chiếm đoạt tổng số tiền là 316.930.546 đồng (Ba trăm mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng). Số tiền Ch chiếm đoạt của mỗi người đều trên 2.000.000 đồng.

[3]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức Ch tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của Nguyễn Đức Ch đã phạm vào tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2, Điều 355 Bộ luật hình sự.

[4]. Nguyễn Đức Ch đã phạm tội rất nghiêm trọng. Là công chức địa chính xã, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước. Bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Để góp phần răn đe và ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về tham nhũng nói riêng, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với Nguyễn Đức Ch.

[5]. Thời điểm phạm tội, Nguyễn Đức Ch không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52

Bộ luật hình sự, vì tình tiết phạm tội 02 lần trở lên đã dùng để định khung hình phạt. Việc Nguyễn Đức Ch bị kết án tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/HS- ST, ngày 31/7/2020 chỉ là tình tiết về nhân thân của bị cáo, vì hành vi đang bị xét xử bị cáo đã thực hiện trước khi có Bản án đó.

[6]. Trong giai đoạn điều tra, do đang chấp hành án phạt tù không có điều kiện để bồi thường, Nguyễn Đức Ch thông qua Điều tra viên đã tác động đến người thân, mong muốn họ bồi thường thay cho bị cáo. Trước khi Tòa án mở phiên tòa, bà Tô Thị Bình Ng là mẹ đẻ Nguyễn Đức Ch đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH số tiền 18.000.000đ để bồi thường thay cho bị cáo. Tại phiên tòa, khi được thông báo về việc bà Ng đã nộp bồi thường thay như trên, Nguyễn Đức Ch hoàn toàn nhất trí. Số tiền gia đình Nguyễn Đức Ch đã nộp không đáng kể so với tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị, mà chỉ áp dụng cho bị cáo 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Nguyễn Đức Ch được áp dụng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: 01 tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; 03 tình tiết theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là: Đã tác động để gia đình bồi thường một phần thiệt hại, bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Văn H4 được tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ an ninh Tổ quốc, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của Nguyễn Đức Ch, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, xử phạt Nguyễn Đức Ch 07 năm 06 tháng tù là phù hợp.

[8]. Nguyễn Đức Ch đang chấp hành án phạt tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 36/HS- ST ngày 31/7/2020 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ, nay bị xét xử về tội đã phạm trước khi có Bản án đó, nên trong vụ án này Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt đối với Ch về tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Thời gian đã chấp hành hình phạt của Bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt Ch.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 355 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét Nguyễn Đức Ch không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt tiền hoặc tịch thu tài sản đối với Ch. Nguyễn Đức Ch phải chấp hành hình phạt tù một thời gian dài, nên cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý hành chính về đất đai trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù là phù hợp.

[10]. Nguyễn Đức Ch khai đã đưa cho: Ông Lê Hải Ch1- Chủ tịch UBND xã CM, ông Nguyễn Hùng L1- Trưởng Phòng Tài nguyên- Môi trường

huyện ĐH, ông Bùi Mạnh T2- Giám đốc VPĐKQSDĐ huyện ĐH, mỗi người 50.000.000đ; mục đích đưa tiền là để ông Ch1, ông L1, ông T2 giải quyết thủ tục hành chính về đất đai của 11 người là bị hại trong vụ án này. Tuy nhiên, ông Ch1, ông L1, ông T2 đều không thừa nhận có nhận tiền của Ch và Ch cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này.

[11]. Kết quả điều tra cũng làm rõ, trong thời gian là công chức địa chính xã CM, Nguyễn Đức Ch còn nhận hồ sơ đề nghị giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai của những người sau: Bà Vũ Thị Nh1 trú tại xã V, huyện ĐH; bà Lê Thị H10 trú tại xã Q, huyện TB; bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị M1, ông Nguyễn Đình B2, ông Quách Văn N (đều trú tại xã CM). Nguyễn Đức Ch đã làm thất lạc 07 GCNQSDĐ của những người trên, đến nay không tìm được. Việc Nguyễn Đức Ch làm thất lạc hồ sơ của 07 người nêu trên và của ông Nguyễn Xuân H3, anh Nguyễn Quang H8 là 02 bị hại trong vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện ĐH đã có văn bản kiến nghị Phòng Tài nguyên- Môi trường huyện ĐH, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện ĐH và UBND xã CM, huyện ĐH giải quyết hậu quả. Nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét.

[12]. Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Đức Ch chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 316.930.546đ, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, nên phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại. Tuy nhiên, một số bị hại tự nguyện cho Ch một phần, chỉ yêu cầu bồi thường một phần số tiền đã bị chiếm đoạt. Các bị hại yêu cầu Nguyễn Đức Ch bồi thường tổng số tiền 291.076.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, Nguyễn Đức Ch nhất trí bồi thường theo yêu cầu của các bị hại như trên. Gia đình Nguyễn Đức Ch đã nộp 18.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH để bồi thường thay cho bị cáo, cần xác nhận. Nguyễn Đức Ch còn phải bồi thường tiếp 273.076.000đ .

[13]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự tương ứng với số tiền còn phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 355; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 48; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Ch phạm tội: “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt Nguyễn Đức Ch 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số: 36/2020/HS- ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ, buộc Nguyễn Đức Ch phải chấp hành hình phạt Ch của hai bản án là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (29/11/2021). Trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước (từ ngày 23/01/2020 đến ngày 28/11/2021).

- Về hình phạt bổ sung: Cấm Nguyễn Đức Ch đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực quản lý hành chính về đất đai trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

* Xử buộc bị cáo Nguyễn Đức Ch có trách nhiệm bồi thường cho:

- Chị Nguyễn Thị L: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- Ông Nguyễn Huy T: 32.076.000đ (Ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);
- Bà Nguyễn Thị C: 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng);
- Ông Đào Văn H: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- Bà Phạm Thị Tr: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng);
- Ông Nguyễn Khắc Th: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng);
- Anh Nguyễn Quang H8: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);
- Ông Đào Văn Kh: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);
- Ông Hoàng Quang Đ: 5.000.000đ (Năm triệu đồng);
- Bà Lê Thị Nh: 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- Ông Nguyễn Xuân H3: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Tổng cộng là: 291.076.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

* Xác nhận: Ngày 29/11/2021, bà Tô Thị Bình Ng (Là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Đức Ch) đã nộp 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH để bồi thường thay cho bị cáo. Nguyễn Đức Ch còn phải bồi thường 273.076.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà Nguyễn Đức Ch không bồi thường, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các điều: 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí : Buộc bị cáo Nguyễn Đức Ch phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 13.653.800đ (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện ĐH;
- Trại tạm giam CA tỉnh PT;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL, NVLQ;
- UBND thị trấn ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa